TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07**/2025/HNGĐ-ST
Ngày 08 - 5 - 2025
V/v kiện ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Kim Khánh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Ngọc Tâm, bà H Mơ Niê

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Lai - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 43/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc *"Kiện ly hôn"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/4/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Phan Hoàn M, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn C, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ liên hệ: Số C Tỉnh lộ 5, thôn B, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

- Bị đơn: Bà Trinna Tam My N, sinh năm 1983. Địa chỉ: A Airport Rd U, D, F, Hoa Kỳ (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà nguyên đơn ông Nguyễn Phan Hoàn M trình bày:**

Ông Nguyễn Phan Hoàn M và bà Trinna Tam My N yêu nhau trên cơ sở tự nguyện, đã tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn vào ngày 04/8/2005 tại Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

Sau khi kết hôn, bà Trinna Tam My N về lại Hoa Kỳ sinh sống và làm việc nên vợ chồng không sống chung với nhau, do khoảng cách địa lý ở xa, không thường xuyên liên lạc nên hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm không thể hàn gắn được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông M đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trinna Tam My N.

Về con chung và tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

**** Tại Bản tự khai ngày 25/3/2025, bị đơn bà Trinna Tam My N trình bày:***

Bà và ông M có tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2005 tại UBND tỉnh Đ và xây dựng gia đình. Tuy nhiên trong quá trình chung sống vì khoảng cách ở xa nên vợ chồng không thường xuyên liên lạc, tình cảm phai nhạt, hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông M thì bà đồng ý. Vì ở xa và trở ngại về công việc nên bà không thể về Việt Nam để trực tiếp làm thủ tục ly hôn được. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án gửi các thông báo có liên quan cho ông M để ông M có trách nhiệm thông báo và gửi cho bà, đồng thời xin được vắng mặt trong quá trình tham gia tố tụng.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên toà:**

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đưa vụ án ra xét xử đúng hạn luật định, thủ tục mở phiên tòa đảm bảo;

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 97, Điều 147, Điều 171 đến Điều 175, Điều 177, Điều 179, Điều 220, điểm a khoản 1 Điều 469, điểm b khoản 1 Điều 474 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 121, khoản 2 Điều 123, Điều 124 Luật Hôn nhân và gia đình:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Nguyễn Phan Hoàn M được ly hôn với bà Trinna Tam My N.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ ý kiến của các bên đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền của Tòa án:

Nguyên đơn ông Nguyễn Phan Hoàn M cư trú tại thôn C, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, bị đơn bà Trinna Tam My N đang cư trú tại Hoa Kỳ. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài nên theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm b khoản 1 Điều 470 Bộ luật Tố tụng dân

sự và điểm a, b khoản 1 Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Bị đơn bà Trinna Tam My N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin vắng mặt, căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Phan Hoàn M và bà Trinna Tam My N kết hôn trên cơ sở tình yêu tự nguyện vào ngày 04/8/2005 tại Ủy ban nhân dân tỉnh Đ nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng không chung sống với nhau do bà Trinna Tam My N sống và làm việc ở Hoa Kỳ còn ông M vẫn ở Việt Nam, hai bên ít liên lạc nên tình cảm phai nhạt, xảy ra bất đồng quan điểm và lối sống, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân nên ông M yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Bà Trinna Tam My N cũng đồng ý ly hôn với ông M vì hiện nay tình cảm vợ chồng không còn.

Xét thấy, hôn nhân giữa ông M và bà Trinna Tam My N đã đến mức trầm trọng, hai bên đã sống ly thân từ lâu, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu của ông M xin ly hôn với bà Trinna Tam My N là có cơ sở, cần chấp nhận.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

[3] Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Phan Hoàn M phải chịu phí thực hiện tống đạt văn bản tố tụng bao gồm: chi phí dịch thuật văn bản, chi phí bưu điện, tổng cộng 2.500.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Phan Hoàn M phải chịu án phí về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 153, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm b khoản 1 Điều 470, các điều 474, 475, 476, 477 và 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Phan Hoàn M.

Ông Nguyễn Phan Hoàn M được ly hôn với bà Trinna Tam My N.

[2] Về con chung, nợ chung và tài sản chung: Không có nên các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[3] Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Phan Hoàn M phải chịu phí thực hiện tống đạt văn bản tố tụng bao gồm: chi phí dịch thuật văn bản, chi phí bưu điện, tổng cộng 2.500.000 đồng *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)*, được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp.

[4] Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Phan Hoàn M phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp (do ông Lê Văn T nộp thay) theo biên lai thu số 0014150 ngày 24/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đ.

[5] Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Phan Hoàn M được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Trinna Tam My N được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đ;
- Các đương sự;
- UBND tỉnh Đ;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hoàng Kim Khánh